

Số: 51/2026/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán:

Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Trần Ngọc Tuấn

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Phạm Văn Nhân – Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 392/2025/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217, các Điều 218, 219 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại về việc “Tranh chấp hợp đồng môi giới tái bảo hiểm” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Tổng Công ty Cổ phần B; Địa chỉ: Số B đường T, Phường S, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Anh T – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần B.

2. *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 (A.Ltd); Địa chỉ: B S, #26-01 SGX C, S, Singapore.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. ALLIANZ SE, TRADING AS ALLIANZ SE REINSURANCE BRANCH ASIA PACIFIC GERMANY, SINGAPORE; Địa chỉ: K, H M, G.

3.2. SCOR GLOBAL P&C SE, FRANCE, Z; Địa chỉ: E, A, G Paris C- France.

3.3. ASIA CAPITAL REINSURANCE GROUP PTE LTD, SINGAPORE; Địa chỉ: F T, #08-01, S, S, Singapore.

3.4. LIBERTY SYNDICATE MANAGEMENT LTD, PARIS FOR ANH ON BEHALF OF LLOYD'S SYNDICATE NO.4472 (LIB). Địa chỉ: B Rue de B, 75008, P, F.

3.5. NOVAE UNDERWRITING LTD ON BEHALF OF SYNDICATE 2007 AT LLOYD'S; Địa chỉ: E L, L, United Kingdom.

- Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại đơn kháng cáo ngày 04/11/2024, ông Vũ Anh T là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty cổ phần B kháng cáo không đồng ý đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để tiếp tục giải quyết vụ án theo đúng quy định.

XÉT THẤY:

[1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn Tổng Công ty cổ phần B làm trong hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần B, Hội đồng phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty cổ phần B (Viết tắt Công ty B1) có nội dung: Năm 2012, thông qua sự thu xếp của nhà môi giới tái bảo hiểm là Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 (A.Ltd) có địa chỉ: B S, #26-01 SGX C, S, Singapore. Công ty B1 đã giao kết hợp đồng tái bảo hiểm cùng một số công ty tái bảo hiểm nước ngoài. Phương thức giao dịch: A.Ltd có nghĩa vụ thu xếp toàn bộ quá trình giao dịch, thương lượng, giao kết hợp đồng và trực tiếp thực hiện việc nhận, chuyển các khoản phí tái bảo hiểm, yêu cầu bồi thường, tiền chi trả bồi thường tái bảo hiểm giữa Công ty B1 và các doanh nghiệp tái bảo hiểm. Công ty B1 và các doanh nghiệp tái bảo hiểm không liên hệ làm việc trực tiếp với nhau.

Căn cứ thỏa thuận môi giới tái bảo hiểm và hợp đồng tái bảo hiểm, Công ty B1 đã thông qua Aon Benfield Asia P.Ltd yêu cầu các doanh nghiệp tái bảo hiểm phải trả tiền bồi thường tái bảo hiểm cho Công ty B1 với tổng số tiền là $(25\% \times \text{Tổng số tiền đã bồi thường}) = (25\% \times 177.340.746.528 \text{ đồng}) = 44.335.186.632 \text{ đồng}$, trong đó, tiền bồi thường tái bảo hiểm thủy sản phải trả cho Bảo M là $(25\% \times \text{Số tiền đã bồi thường bảo hiểm thủy sản}) = (25\% \times 176.324.762.500 \text{ đồng}) = 44.081.190.625 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, Aon Benfield Asia P.Ltd mới chuyển trả cho Công ty B1 số tiền bồi thường tái bảo hiểm thủy sản là 16.974.403.513 đồng. Tổng số tiền bồi thường tái bảo hiểm thủy sản còn lại mà Công ty B1 chưa được Aon Benfield Asia P.Ltd thanh toán là 27.106.787.112 đồng. Công ty B1 đã có khiếu nại, nhiều lần yêu cầu Aon Benfield Asia P.Ltd phải thanh toán cho Công ty B1 toàn bộ số tiền bồi thường tái bảo hiểm còn lại nhưng cho đến thời điểm này Aon Benfield Asia P.Ltd vẫn chưa thanh toán cho Công ty B1 bất kỳ khoản tiền nào. Ngoài ra, việc giải quyết bồi thường đối với các Hợp đồng bảo hiểm mà Bảo M đã ký kết trong khuôn khổ Chương trình thí điểm BHNN theo Quyết định số: 315/QĐ-Ttg giai đoạn 2011-2013 tiếp tục phát sinh tranh chấp, theo nội dung Bản án phúc thẩm số: 03/2018/DS-PT ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh thì Công ty B1 có trách nhiệm bồi thường tiền bảo hiểm cá tra cho 14 nguyên đơn tổng cộng số tiền: 12.997.786.739 đồng.

Do đó, Tổng Công ty Cổ phần B khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH T1 phải bồi thường cho Công ty B1 các khoản tiền dưới đây: Bồi thường toàn bộ thiệt hại mà Công ty B1 phải gánh chịu do hành vi vi phạm nghĩa vụ

môi giới tái bảo hiểm của Aon Benfield Asia P.Ltd gây ra, với số tiền là 27.106.787.112 đồng (Hai mươi bảy tỷ một trăm linh sáu triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn một trăm mười hai đồng); Số tiền phát sinh tranh chấp theo Bản án phúc thẩm số 03/2018/DS-PT ngày 30/8/2018 của TAND tỉnh trà V là 13.619.614.528 đồng (Mười ba tỷ sáu trăm mười chín triệu sáu trăm mười bốn nghìn năm trăm hai mươi tám đồng). Tổng số tiền Công ty B1 khởi kiện yêu cầu Aon Benfield Asia P.Ltd phải bồi thường là 40.726.401.640 đồng (Bốn mươi tỷ bảy trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm linh một nghìn sáu trăm bốn mươi đồng).

[2.2] Xét thấy tại mục A Điều kiện chung của hợp đồng tái bảo hiểm chia sẻ hạn mức đối với ngành kinh doanh nông nghiệp do Công ty B1 cung cấp có thể hiện: “Điều 38. Giải quyết tranh chấp: “1. Khi tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này bao gồm sự hình thành hoặc hiệu lực và dù là tranh chấp phát sinh trong hoặc sau thời hạn của Hợp đồng này chưa được giải quyết bằng thương lượng, hai bên đồng ý giải quyết tranh chấp đó trên tinh thần thiện chí thông qua hòa giải không ràng buộc trước khi đưa lên trọng tài theo cách thức sau đây; 2. Trừ khi hai bên có thỏa thuận khác, phiên tòa trọng tài (phiên tòa) gồm những người (kể cả người đã nghỉ hưu) có không dưới 10 năm kinh nghiệm về bảo hiểm quốc tế hoặc kinh doanh Tái bảo hiểm như người làm việc trong ngành hoặc có chuyên môn tư vấn về ngành này; 3. Trừ khi các bên đồng ý chỉ chọn một trọng tài trong vòng 30 ngày từ khi một bên nhận được thông báo về trọng tài từ bên kia, nguyên đơn (bên yêu cầu trọng tài) sẽ chỉ định một trọng tài (trọng tài thứ nhất) và gửi thông báo cho bên kia (bị đơn). Trong vòng 30 ngày từ khi nhận được thông báo này, bị đơn sẽ chỉ định một trọng tài khác có tên bên dưới chỉ định trọng tài thứ hai; 4. Khi được chỉ định, trọng tài thứ nhất và trọng tài thứ hai sẽ chỉ định trọng tài thứ ba trong vòng 30 ngày từ khi chỉ định trọng tài thứ hai. Nếu không, một trong hai trọng tài hoặc một trong hai bên có thể yêu cầu người chỉ định chỉ định trọng tài thứ ba. Tuy nhiên trọng tài thứ ba được chỉ định sẽ là chủ tịch; 5. Khi trọng tài thứ ba chấp thuận sự chỉ định, phiên tòa sẽ được thiết lập. Ba trọng tài sẽ quyết định theo đa số. Nếu không đạt được đa số thì quyết định của trọng tài thứ ba sẽ được áp dụng; 6. Nếu một trọng tài không sẵn sàng hoặc không thể làm việc sau khi được chỉ định, trọng tài mới sẽ được chỉ định để thay thế người này theo thủ tục nêu trên; 7. Trừ khi phiên tòa kéo dài hoặc ra lệnh khác, trong vòng 15 ngày từ khi chỉ định trọng tài thứ ba, mỗi bên sẽ nộp đơn kiện của mình lên Tòa trong vòng 45 ngày từ khi chỉ định trọng tài thứ ba; 8. Tòa không bị ràng buộc bởi các quy định chính quy về chứng cứ. Tòa có quyền ấn định các quy định thủ tục liên quan đến trọng tài; 9. Trong vòng 60 ngày sau khi ra quyết định Trọng tài, Tòa sẽ cấp cho các bên phán quyết được lập luận bằng văn bản. Phán quyết là cuối cùng và ràng buộc các bên thực hiện, ra cùng một điều tương tự. Nếu một trong hai bên không thực hiện được phán quyết thì bên kia có thể nộp đơn yêu cầu thi hành phán quyết đó lên tòa án có thẩm quyền tại bất kỳ quốc gia nào mà bên vi phạm có nơi cư trú hoặc có tài sản hoặc kinh doanh; 10. Mọi chi phí của trọng tài sẽ do Tòa án quyết định và Tòa án có thể chỉ định người thanh toán và thanh toán theo cách thức nào; 11. Người bổ nhiệm phải như đã nêu trong điều kiện đặc biệt; 12. Địa điểm trọng tài sẽ được quy định trong điều kiện đặc biệt”.

Đồng thời tại Mục B của hợp đồng tái bảo hiểm chia sẻ hạn mức đối với ngành kinh doanh nông nghiệp có quy định các điều kiện đặc biệt: “Điều 37 khoản Luật áp

dụng: Luật pháp Việt Nam; Điều 38 khoản 11: Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Việt Nam. Thủ tục: Phòng T2; Điều 38 khoản 12: Địa điểm trọng tài Hà Nội, Việt Nam”

Như vậy, Căn cứ thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tái bảo hiểm chia sẻ hạn mức đối với ngành kinh doanh nông nghiệp có thể hiện giải quyết tranh chấp bằng phương thức Trọng tài. Vì vậy nguyên đơn Công ty cổ phần B1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng tái bảo hiểm chia sẻ hạn mức đối với ngành kinh doanh nông nghiệp là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo quy định là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Nguyên đơn Tổng Công ty cổ phần B kháng cáo cho rằng trong hợp đồng tái bảo hiểm chia sẻ hạn mức đối với ngành kinh doanh nông nghiệp các bên thỏa thuận vừa có phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và vừa có thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng Tòa án thể hiện tại mục B có quy định các điều kiện đặc biệt tại hợp đồng tái bảo hiểm quy định bổ sung có ghi nhận Điều 38 mục 11 người chỉ định là Thẩm phán Tòa án tối cao Việt Nam giải quyết tranh chấp. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Xét lời nại ra của nguyên đơn Tổng Công ty cổ phần B là chưa có căn cứ để chấp nhận, bởi vì: Tại Mục B của hợp đồng tái bảo hiểm chia sẻ hạn mức đối với ngành kinh doanh nông nghiệp có quy định “các điều kiện đặc biệt” trong đó có ghi nhận Điều 38 (mục 11) người chỉ định Thẩm phán Tòa án tối cao Việt Nam. Tuy nhiên việc ghi nhận “Điều 38 mục 11” này là thỏa thuận về thẩm quyền của Tòa án đối với hoạt động Trọng tài theo quy định tại Điều 7 Luật Trọng tài thương mại năm 2010. Do đó, không có các cứ để chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty cổ phần B. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 392/2025/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo của Tổng Công ty cổ phần B, là có căn cứ phù hợp với nhận định trên.

[4] Về án phí phúc thẩm: Tổng Công ty cổ phần B phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 314 của Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Tổng Công ty cổ phần B.

Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại sơ

thẩm số: 392/2025/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tổng Công ty cổ phần B phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0043578 ngày 28/11/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ.

3. Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Đã ký)**